

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG NĂNG
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2022/DS-ST

Ngày 27-7-2022

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NĂNG, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Xuân Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phan Ngọc Đài;

2. Ông Y Míp Niê;

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Lương Công Hà- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Cát Càng – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 40/2022/TLST-DS ngày 21 tháng 02 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 54/2022/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2022, giữa:

- Nguyên đơn: Bà Khổng Thị D; trú tại: Thôn C1, xã T, huyện N, tỉnh Đắk Lắk (có mặt);

- Bị đơn: Bà Nông Thị T; trú tại: Thôn C, xã T, huyện N, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn bà Khổng Thị D trình bày: Ngày 02/10/2021 âm lịch (tức ngày 06/11/2021 dương lịch) bà Nông Thị T có vay của bà Khổng Thị D số tiền 67.000.000 đồng. Khi vay tiền bà Nông Thị T có viết xác nhận việc vay tiền đề ngày 02/10/2021 âm lịch. Theo giấy vay tiền các bên thỏa thuận lãi suất 1,5%/tháng, thời hạn trả nợ đến mùa cà phê năm 2021 (tức tháng 12 năm 2021) sẽ trả. Chữ ký, chữ viết “Nông Thị T” trong giấy vay tiền là do bà Nông Thị T trực tiếp ký nhận. Tới trả nợ bà Khổng Thị D đã nhiều lần yêu cầu bà Nông Thị T trả nợ nhưng bà T cố tình trây ỳ, trốn tránh không chịu trả nợ. Nay đã quá hạn trả nợ theo thỏa thuận nhưng bà Nông Thị T không trả nợ cho bà Khổng Thị D.

Vì vậy, bà Khổng Thị D khởi kiện đề nghị Tòa án buộc bà Nông Thị T trả cho bà D số tiền nợ gốc là 67.000.000 đồng và tiền lãi suất cụ thể: 67.000.000

đồng x 1,5%/tháng x 08 tháng 21 ngày (từ ngày 06/11/2021 đến ngày xét xử ngày 27/7/2022) = 8.743.500 đồng. Ngoài ra, bà Nông Thị T còn phải tiếp tục chịu lãi suất cho đến khi trả xong nợ.

- Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định. Tuy nhiên, bị đơn bà Nông Thị T vắng mặt nên vụ án không tiến hành hòa giải được.

- Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau:

+ Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý cho đến ngày xét xử vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự, đưa vụ án ra xét xử đúng hạn luật định, thủ tục mở phiên tòa đảm bảo. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

+ Về nội dung: Qua phân tích, đánh giá các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai và ý kiến của các bên đương sự, đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa có ý kiến như sau: Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 463, Điều 465, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015. Đề nghị HĐXX: Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Khổng Thị D.

Buộc bà Nông Thị T phải trả cho bà Khổng Thị D số tiền gốc 67.000.000 đồng và tiền lãi suất phát sinh từ ngày 06/11/2021 theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên nguyên đơn bà Khổng Thị D không phải chịu án phí. Bị đơn bà Nông Thị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án; ý kiến của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp: Quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, bị đơn có nơi cư trú tại huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk và nguyên đơn có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Krông Năng giải quyết. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk.

[1.2] Tại phiên tòa, bị đơn bà Nông Thị T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử theo quy định.

[2] Về nội dung:

[2.1] Ngày 02/10/2021 âm lịch (tức ngày 06/11/2021 dương lịch), bà Nông Thị T vay của bà Khổng Thị D số tiền 67.000.000 đồng. Khi vay tiền bà Nông Thị T có viết giấy xác nhận việc vay tiền đề ngày 02/10/2021 âm lịch. Theo giấy xác

nhận các bên thỏa thuận lãi suất 1,5%/tháng, thời hạn trả nợ đến mùa cà phê năm 2021 (tháng 12 năm 2021) sẽ trả.

Quá trình giải quyết vụ kiện, Tòa án nhân dân huyện Krông Năng đã nhiều lần triệu tập bà Nông Thị T đến Tòa án giải quyết vụ án. Tuy nhiên, bà Nông Thị T không đến Tòa án để làm việc theo giấy triệu tập. Để có căn cứ giải quyết vụ án, ngày 22/4/2022 Tòa án nhân dân huyện Krông Năng ban hành Quyết định trưng cầu giám định số 01/2022/QĐ-TCGD, trưng cầu giám định Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk đối với chữ ký “Nông Thị T” ở phần người vay trong giấy vay tiền đề ngày 02/10/2021 (âm lịch) do bà Khổng Thị D giao nộp cho Tòa án. Tại Kết luận giám định số 68/KL-KTHS ngày 07/6/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk xác định chữ ký “Nông Thị T” ở phần người vay trong giấy vay tiền đề ngày 02/10/2021 (âm lịch) so với các mẫu so sánh là do cùng một người viết ra. Do đó, có thể khẳng định giữa bà Khổng Thị D với bà Nông Thị T có việc vay tiền với nhau. Ngày 02/10/2021 âm lịch (tức ngày 06/11/2021 dương lịch) bà Nông Thị T có ký nhận xác định còn nợ bà Khổng Thị D số tiền 67.000.000 đồng tiền gốc, các bên thỏa thuận lãi suất 1,5%/tháng, thời hạn trả nợ vào mùa cà phê năm 2021.

Quá trình thực hiện hợp đồng bà Nông Thị T vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng đã ký kết. Mặc dù, bà D đã nhiều lần yêu cầu, đôn đốc bà T trả nợ nhưng bà T trây ỳ, cố tình lẩn tránh. Hợp đồng vay tiền ký kết giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015. Nay đã quá hạn trả nợ gốc nhưng bà T không thực hiện trả nợ theo thỏa thuận của Hợp đồng.

Như vậy, việc bà Khổng Thị D khởi kiện yêu cầu bà Nông Thị T phải trả 67.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi suất phát sinh cụ thể: $67.000.000 \text{ đồng} \times 1,5\%/\text{tháng} \times 08 \text{ tháng} = 8.743.500 \text{ đồng}$ là có căn cứ.

[3]. Về chi phí tố tụng: Tại Kết luận giám định số 68/KL-KTHS ngày 07/6/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk xác định chữ ký “Nông Thị T” ở phần người vay trong giấy vay tiền đề ngày 02/10/2021 (âm lịch) so với các mẫu so sánh là do cùng một người viết ra. Do đó, bà Nông Thị T phải chịu 4.080.000 đồng chi phí giám định chữ ký. Bà Khổng Thị D không phải chịu chi phí giám định chữ ký và được nhận lại số tiền 4.080.000 đồng sau khi thu được từ bà Nông Thị T.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà Nông Thị T phải chịu $75.743.500 \text{ đồng} \times 5\% = 3.787.000 \text{ đồng}$ (làm tròn) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn bà Khổng Thị D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được nhận lại số tiền 1.725.000 đồng (*Một triệu, bảy trăm hai mươi lăm ngàn đồng*) tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0008803 ngày 25/01/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Đắk Lắk.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 317; Điều 318; Điều 319; Điều 463; Điều 466; Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Khổng Thị D.

1. Buộc bà Nông Thị T phải trả cho bà Khổng Thị D số tiền: 75.743.500 đồng (*Bảy mươi lăm triệu, bảy trăm bốn mươi ba ngàn, năm trăm đồng*), trong đó: Tiền nợ gốc 67.000.000 đồng; tiền lãi suất 8.743.500 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về chi phí tố tụng: Bà Nông Thị T phải chịu 4.080.000 đồng (*Bốn triệu, không trăm tám mươi ngàn đồng*) chi phí giám định chữ ký. Bà Khổng Thị D không phải chịu chi phí giám định chữ ký và được nhận lại số tiền 4.080.000 đồng (*Bốn triệu, không trăm tám mươi ngàn đồng*) sau khi thu được từ bà Nông Thị T.

3. Về án phí: Bị đơn bà Nông Thị T phải chịu 3.787.000 đồng (*Ba triệu, bảy trăm tám mươi bảy ngàn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Khổng Thị D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được nhận lại số tiền 1.725.000 đồng (*Một triệu, bảy trăm hai mươi lăm ngàn đồng*) tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0008803 ngày 25/01/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Đắk Lắk.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết tại UBND xã, phường và nơi họ cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Năng (02);
- Chi cục THADS huyện N;
- Các đương sự;
-;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trương Xuân Hải